

QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6556/QĐ-BHBV ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

LƯU Ý QUAN TRỌNG

1. Khách hàng đọc kỹ điều kiện, điều khoản trong Quy tắc trước khi tham gia bảo hiểm;
2. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, khách hàng vui lòng thông báo ngay cho Bảo Việt để được hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục hậu quả tai nạn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho quý khách.
3. Quy tắc bảo hiểm này được ban hành trên cơ sở phê chuẩn của Bộ Tài Chính tại công văn số 3906/BTC-QLBH ngày 25/03/2015.

MỤC LỤC

PHẦN 1- QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 2. Hợp đồng bảo hiểm.....	2
Điều 3. Hiệu lực bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm.....	3
Điều 4. Sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm.....	3
Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn.....	4
Điều 6. Bảo hiểm trùng theo nhiều Hợp đồng bảo hiểm.....	4
Điều 7. Tai nạn liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (người có lỗi gây thiệt hại)...	4
PHẦN 2- PHẠM VI BẢO HIỂM.....	4
Điều 8. Phạm vi bảo hiểm.....	4
Điều 9. Các chi phí cần thiết thuộc phạm vi bảo hiểm.....	5
Điều 10. Số tiền bảo hiểm.....	5
Điều 11. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm.....	5
PHẦN 3- LOẠI TRỪ BẢO HIỂM VÀ MỨC GIẢM BỒI THƯỜNG.....	6
Điều 12. Loại trừ bảo hiểm:.....	6
Điều 13. Mức giảm bồi thường.....	7
PHẦN 4- ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG.....	8
1. Bảo hiểm không khấu hao thay mới (Phụ lục số 01-BVVC):.....	8
2. Thanh toán chi phí thuê xe (Phụ lục số 02-BVVC):.....	8
3. Bảo hiểm sửa chữa xe tại ga-ra chính hãng (Phụ lục số 03-BVVC):.....	9
4. Bảo hiểm áp dụng mức khấu trừ (Phụ lục số 04-BVVC):.....	9
5. Bảo hiểm mất cắp bộ phận (Phụ lục số 05-BVVC):.....	9
6. Bảo hiểm xe bị ngập nước (Phụ lục số 06-BVVC):.....	9
7. Bảo hiểm bồi thường theo giới hạn trách nhiệm (Phụ lục số 07-BVVC):.....	10
8. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (PLNLT).....	10
9. Các điều khoản bổ sung khác (thuộc thẩm quyền của Tổng công ty):.....	10
PHẦN 5- THÔNG BÁO TAI NẠN, GIÁM ĐỊNH BỒI THƯỜNG VÀ KHIẾU NẠI	10
Điều 14. Thông báo tai nạn và giám định thiệt hại.....	10
Điều 15. Hồ sơ bồi thường.....	11
Điều 16. Thời hạn khiếu nại bồi thường và giải quyết tranh chấp.....	12
PHỤ LỤC: BIỂU PHÍ.....	13

Trên cơ sở yêu cầu bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo thỏa thuận, Bảo Việt nhận bảo hiểm thiệt hại vật chất xe ô tô của Chủ xe theo các điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

PHẦN 1- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- 1.1 “Bảo Việt”: là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt hoặc Công ty Bảo Việt thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 1.2 “Chủ xe”: là chủ sở hữu xe ô tô hoặc người được giao chiếm hữu, sử dụng xe cơ giới, hoặc người chủ sở hữu xe có Hợp đồng mua bán nhưng vẫn chưa làm thủ tục đăng ký sở hữu theo quy định.
- 1.3. “Xe ô tô”: bao gồm xe ô tô, máy kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, *ô tô chuyên dùng^a*, *xe máy chuyên dùng^b*. Không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện.
 - a) *Ô tô chuyên dùng* là ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng công dụng đặc biệt, bao gồm: ô tô quét đường, ô tô hút chất thải, ô tô trộn vữa, ô tô trộn bê tông, ô tô bơm bê tông, ô tô cần cẩu, ô tô thang, ô tô khoan, ô tô cứu hộ giao thông; ô tô chuyên dùng khác như ô tô truyền hình lưu động, ô tô đo sóng truyền hình lưu động, ô tô kiểm tra và bảo dưỡng cầu, ô tô kiểm tra cáp điện ngầm, ô tô chụp X-Quang, ô tô phẫu thuật lưu động, ô tô cứu thương, ô tô vận chuyển tiền, xe tang lễ.
 - b) *Xe máy chuyên dùng* gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ.
- 1.4. “Cháy” là phản ứng hoá học giữa chất cháy và ô xy trong không khí có sự toả nhiệt và phát ánh sáng.
- 1.5 “Giá thị trường” là giá mua bán trung bình của chiếc xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (make), cùng mẫu xe (model), cùng km lăn bánh, cùng mục đích sử dụng được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm xác định giá thị trường của xe.
- 1.6 “Thời gian sử dụng xe” là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.

Điều 2. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm là giao kết giữa Bảo Việt và Chủ xe, bao gồm:

- 2.1 Quy tắc bảo hiểm vật chất ô tô: là điều khoản quy định quyền lợi, trách nhiệm của Chủ xe, Bảo Việt và được Bảo Việt cấp khi Chủ xe yêu cầu. Quy tắc bảo hiểm này được đăng tải trên website của Bảo Việt.
- 2.2 Giấy yêu cầu bảo hiểm (theo mẫu in sẵn): để Chủ xe yêu cầu bảo hiểm và thiết lập Hợp đồng bảo hiểm. Đây là một bộ phận cấu thành và không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm. Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe phải kê khai đầy đủ và chịu trách nhiệm về tính trung thực những nội dung trong giấy yêu cầu bảo hiểm. Trường

hợp chủ xe hoặc người thay mặt chủ xe yêu cầu bảo hiểm không ký vào giấy yêu cầu bảo hiểm, nhưng đã nộp phí bảo hiểm thì có nghĩa đã đồng ý với thông tin ghi trên hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm mà Bảo Việt cấp cho Chủ xe.

- 2.3 Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm: do Bảo Việt cấp cho Chủ xe, là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm và được điều chỉnh theo Quy tắc này.
- 2.4 Sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm: là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm, được lập thành văn bản để sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp đồng bảo hiểm.
- 2.5 Các thỏa thuận khác nếu có được lập thành văn bản giữa Chủ xe và Bảo Việt.

Điều 3. Hiệu lực bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm

- 3.1 Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm. Hiệu lực bảo hiểm chỉ bắt đầu từ thời điểm Chủ xe thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm cho Bảo Việt, trừ trường có thỏa thuận khác bằng văn bản.
- 3.2 Chủ xe (hoặc người thay mặt Chủ xe yêu cầu bảo hiểm) cần thanh toán đủ phí bảo hiểm trước ngày bắt đầu hiệu lực bảo hiểm hoặc nộp phí trước thời hạn ấn định nộp phí theo thỏa thuận để đảm bảo quyền lợi của mình.
- 3.2 Trường hợp Chủ xe chậm đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận và không có yêu cầu Bảo Việt thỏa thuận ấn định lại thời hạn thanh toán, thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt hiệu lực cho đến khi Chủ xe tiếp tục đóng phí bảo hiểm.
- 3.3 Thỏa thuận chậm đóng phí giữa Bảo Việt và Chủ xe tuân thủ theo các quy định tại các văn bản nhà nước có liên quan đến việc thanh toán phí bảo hiểm.
- 3.4 Trong thời gian hiệu lực bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe ô tô thì quyền lợi bảo hiểm vẫn có hiệu lực đối với Chủ xe mới và chấm dứt hiệu lực đối với Chủ xe cũ ngay tại thời điểm quyền sở hữu xe được chuyển cho Chủ xe mới. Trường hợp Chủ xe cũ không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho Chủ xe mới và có yêu cầu hủy Hợp đồng bảo hiểm thì Bảo Việt sẽ hoàn phí bảo hiểm cho Chủ xe cũ theo quy định tại Điều 5 Quy tắc bảo hiểm này

Điều 4. Sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm

- 4.1 Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm, nếu có sự thay đổi về mục đích sử dụng xe dẫn đến tăng hoặc giảm các rủi ro được bảo hiểm, Chủ xe cơ giới phải kịp thời thông báo cho Bảo Việt để áp dụng mức phí bảo hiểm phù hợp cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.
- 4.2 Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm, Chủ xe có thể yêu cầu Bảo Việt sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm. Trên cơ sở yêu cầu của Chủ xe, nếu chấp nhận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng Bảo Việt sẽ cấp sửa đổi bổ sung bằng văn bản.
- 4.3 Chủ xe sẽ phải nộp thêm phí/hoặc được hoàn lại một phần phí bảo hiểm (tùy thuộc vào mức độ rủi ro, phạm vi bảo hiểm của từng sửa đổi bổ sung) theo tỷ lệ giữa thời hạn sửa đổi bổ sung với thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn

- 5.1 Khi Chủ xe yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, phải thông báo bằng văn bản kèm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Bảo Việt trước 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày định chấm dứt. Nếu Hợp đồng được hai bên thỏa thuận chấm dứt thì trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Bảo Việt sẽ hoàn lại cho Chủ xe 70% phí bảo hiểm của thời gian còn lại, trừ trường hợp trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm và phát sinh trách nhiệm bồi thường bảo hiểm.
- 5.2 Trường hợp Bảo Việt yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, Bảo Việt phải thông báo bằng văn bản cho Chủ xe trước 15 (mười lăm) ngày làm việc và hoàn lại phí bảo hiểm cho Chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt từ thời điểm Bảo Việt nhận được thông báo huỷ bỏ Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 6. Bảo hiểm trùng theo nhiều Hợp đồng bảo hiểm

Trường hợp cùng một xe ô tô được bảo hiểm theo nhiều Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận / Đơn bảo hiểm (Hợp đồng) khác nhau, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Bảo Việt chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà Chủ xe đã giao kết. Tổng số tiền bồi thường trên mỗi hợp đồng không vượt quá giá trị thị trường của ô tô tại thời điểm xảy ra tổn thất.

Điều 7. Tai nạn liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (người có lỗi gây thiệt hại)

Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (bên có lỗi gây thiệt hại) thì Chủ xe phải bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Bảo Việt kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, chứng từ cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Bảo Việt đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được Bảo Việt bồi thường.

Trường hợp người thứ ba đã bồi thường cho Chủ xe số tiền thấp hơn số tiền bồi thường theo tính toán của Bảo Việt, thì Bảo Việt sẽ thanh toán nốt phần chênh lệch giữa số tiền bồi thường và số tiền chủ xe đã nhận được từ người thứ ba. Trường hợp người thứ ba đã bồi thường bằng hoặc lớn hơn số tiền bồi thường theo tính toán của Bảo Việt, thì Bảo Việt sẽ không phải bồi thường cho Chủ xe vì thiệt hại đã được bên thứ ba bồi thường.

PHẦN 2- PHẠM VI BẢO HIỂM

Điều 8. Phạm vi bảo hiểm

Bảo Việt bồi thường cho Chủ xe những thiệt hại vật chất xe xảy ra do:

- 8.1 Những tai nạn bất ngờ, ngoài sự kiểm soát của Chủ xe, lái xe trong những trường hợp: Đâm va, lật, đổ, rơi; chìm; hoả hoạn, cháy, nổ; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào;
- 8.2 Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên: Bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần;
- 8.3 Mất cắp, mất cướp toàn bộ xe.

Điều 9. Các chi phí cần thiết thuộc phạm vi bảo hiểm

Bảo Việt thanh toán những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm (tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm) nhằm ngăn ngừa, hạn chế tổn thất phát sinh thêm, bảo vệ và đưa xe thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất, giám định tổn thất.

Điều 10. Số tiền bảo hiểm

Số tiền bảo hiểm được quy định trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm/Sửa đổi bổ sung. Chủ xe có thể thỏa thuận với Bảo Việt bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm vật chất xe bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe.

Chủ xe nên tham gia bảo hiểm bằng với giá trị thị trường để đảm bảo đầy đủ quyền lợi bảo hiểm khi không may xảy ra tổn thất.

Điều 11. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Bảo Việt chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế để sửa chữa, thay thế (nếu không thể sửa chữa được) bộ phận bị tổn thất, hoặc trả tiền cho Chủ xe để bù đắp tổn thất trên cơ sở xác định được chi phí sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả.

Chi phí sửa chữa thực tế sẽ được căn cứ trên báo giá của hệ thống ga ra/xưởng sửa chữa liên kết với Bảo Việt (trừ trường hợp tham gia điều khoản bổ sung số 03-BVVC).

Những bộ phận hư hỏng hoặc xác xe đã được Bảo Việt chấp thuận bồi thường (hoặc thay mới) thuộc quyền sở hữu của Bảo Việt; Hoặc Bảo Việt thu hồi giá trị còn lại của xác xe theo tỷ lệ giữa số tiền bồi thường của Bảo Việt và giá thị trường của xe ô tô (trường hợp bảo hiểm dưới giá trị, bảo hiểm trùng hoặc có sự tham gia bồi thường của bên thứ ba).

11.1 Bồi thường tổn thất bộ phận

- a) Trường hợp xe được bảo hiểm với số tiền bảo hiểm thấp hơn giá thị trường thì số tiền bồi thường của Bảo Việt được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá thị trường của xe.
- b) Trong quá trình sửa chữa, khắc phục tổn thất, nếu phải thay thế bộ phận mới thì Bảo Việt sẽ xác định chi phí thay mới vật tư, phụ tùng thuộc trách nhiệm bảo hiểm bằng chi phí thực tế thay thế mới vật tư, phụ tùng đó và áp dụng trừ khấu hao theo các mức sau:
 - Thời gian sử dụng xe đến 03 năm giảm 0% giá trị bộ phận thay mới;
 - Thời gian sử dụng xe trên 03 năm đến dưới 06 năm giảm 15% giá trị bộ phận thay mới;
 - Thời gian sử dụng xe từ 06 năm đến dưới 10 năm giảm 25% giá trị bộ phận thay mới;
 - Thời gian sử dụng xe từ 10 năm đến dưới 15 năm giảm 35% giá trị bộ phận thay mới;
 - Thời gian sử dụng xe từ 15 năm trở lên giảm 50% giá trị bộ phận thay mới.
- c) Bảo Việt bồi thường toàn bộ chi phí sơn lại xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tai nạn gây ra theo cách tính tại tiết a,b điểm 11.1 Điều 11 Quy tắc này.

11.2 Bồi thường tổn thất toàn bộ

Xe được coi là tổn thất toàn bộ trong trường hợp sau:

- a) Dự toán sửa chữa xe được phê duyệt bởi Bảo Việt với mức chi phí sửa chữa ước tính trên 75% giá thị trường của xe ô tô.
- b) Xe bị mất cắp, bị cướp (có kết luận điều tra hoặc có quyết định tạm đình chỉ điều tra của cơ quan điều tra).

Số tiền bồi thường toàn bộ bằng giá trị thị trường của xe trước khi xảy ra tai nạn (tổn thất) và không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên Hợp đồng/Giấy chứng nhận/Đơn bảo hiểm.

- 11.3 Mức khấu trừ là số tiền mà Chủ xe phải tự gánh chịu trong mỗi vụ tổn thất. Mức khấu trừ được ghi trên Hợp đồng/Giấy chứng nhận/Đơn bảo hiểm giao kết với/cấp cho Chủ xe. Trường hợp không ghi mức khấu trừ thì mức khấu trừ là 500.000 đồng/vụ tổn thất.

PHẦN 3- LOẠI TRỪ BẢO HIỂM VÀ MỨC GIẢM BỒI THƯỜNG

Điều 12. Loại trừ bảo hiểm:

Bảo Việt sẽ không bồi thường thiệt hại đối với một trong các trường hợp dưới đây:

- 12.1 Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ xe, lái xe, hoặc người được thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm.
- 12.2 Xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ hợp lệ trừ trường hợp có quy định khác (áp dụng khi xe đang tham gia giao thông);
- 12.3 Lái xe không có Giấy phép lái xe (hoặc Giấy phép điều khiển xe) hợp lệ - áp dụng khi xe đang hoạt động có người điều khiển xe;
- 12.4 Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép);
- 12.5 Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như: Giảm giá trị thương mại, ngừng sản xuất, sử dụng, khai thác;
- 12.6 Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp được sự đồng ý của Bảo Việt;
- 12.7 Xe chở chất cháy, chất nổ trái phép; Chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật.
- 12.8 Chiến tranh.
- 12.9 Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng các chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật (có xác nhận bằng văn bản của cơ quan chức năng).
- 12.10 Điều khiển xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành hiệu lệnh của Cảnh sát giao thông.
- 12.11 Xe chở quá 50% trọng tải được phép chở (đối với loại xe chở hàng) hoặc chở quá 50% số người được phép chở (đối với loại xe chở người và tỷ lệ chở quá số người không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi). Trọng tải được phép chở hoặc số người được phép chở căn cứ vào quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ.

- 12.12 Hao mòn, hỏng hóc do sử dụng, lão hoá, mất giá, hỏng hóc do khuyết tật hoặc tổn thất thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (gồm cả chạy thử).
- 12.13 Hư hỏng về điện hoặc các bộ phận thiết bị, máy móc mà không phải do tai nạn nói ở Mục 8.1 8.2 Điều 8 của Quy tắc bảo hiểm này.
- 12.14 Hư hỏng về điện hoặc động cơ do xe hoạt động trong vùng đang bị ngập nước.
- 12.15 Tổn thất đối với sầm lốp, bạt thùng xe, nhãn mác, logo trừ trường hợp tổn thất này xảy ra do cùng nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một tai nạn.
- 12.16 Mất cắp bộ phận xe.
- 12.17 Mất cắp toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt xe (trừ khi có thỏa thuận khác).
- 12.18 Tổn thất của các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài thiết bị do nhà sản xuất đã lắp ráp (trừ khi có thỏa thuận khác).
- 12.19 Tổn thất các thiết bị chuyên dùng trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.

Điều 13. Mức giảm bồi thường

- 13.1 Bảo Việt sẽ giảm 05% số tiền bồi thường trong trường hợp:
 - a) Chủ xe hoặc người đại diện không gửi thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được Bảo Việt giám định thiệt hại trong thời gian này).
 - b) Điều khiển xe chạy quá tốc độ cho phép trên 10% (trong trường hợp có xác nhận của cơ quan Công an về tỷ lệ vượt tốc độ bao nhiêu %).
 - c) Chủ xe tự ý di chuyển tài sản bị thiệt hại khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Việt (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).
 - d) Chủ xe cơ giới không trung thực, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ của hồ sơ bồi thường dẫn đến tăng thêm thiệt hại cho Bảo Việt trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- 13.2 Bảo Việt sẽ giảm 30% số tiền bồi thường trong trường hợp Chủ xe tự ý tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản bị thiệt hại khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Việt (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);
- 13.3 Bảo Việt sẽ giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong trường hợp: Chủ xe cơ giới không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo Việt kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với Bảo Việt để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho Bảo Việt;
- 13.4 Bảo Việt sẽ giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ phần trăm chở quá tải trọng cho phép chở (đối với loại xe chở hàng) hoặc số người được phép chở (đối với loại xe chở người) nếu tỷ lệ chở quá trọng tải hoặc số người vượt quá 10% và

không quá 50% theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ. (Tỷ lệ chờ quá số người không bao gồm trẻ em dưới 07 (bảy) tuổi).

- 13.5 Bảo Việt sẽ giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:
- Chủ xe kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;
 - Chủ xe không thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).

Trường hợp có nhiều mức giảm bồi thường cùng được áp dụng trong một vụ khiếu nại bồi thường thì Bảo Việt chỉ áp dụng một mức giảm bồi thường nào có tỷ lệ giảm cao nhất.

PHẦN 4- ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Điều khoản bổ sung chỉ áp dụng khi xe có tham gia bảo hiểm vật chất ô tô. Chủ xe có thể lựa chọn thêm một trong các Điều khoản bảo hiểm bổ sung và nộp phí bảo hiểm theo Biểu phí đi kèm theo Quy tắc bảo hiểm này để được tăng thêm quyền lợi bảo hiểm hoặc để được giảm phí bảo hiểm.

1. Bảo hiểm không khấu hao thay mới (Phụ lục số 01-BVVC):

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí bảo hiểm của Chủ xe/Người thay mặt chủ xe yêu cầu bảo hiểm, Bảo Việt đồng ý nhận bảo hiểm cho Chủ xe theo quy định sửa đổi, bổ sung như sau:

- Hủy bỏ quy định bồi thường tổn thất bộ phận tại tiết b, điểm 11.1 Điều 11 của Quy tắc bảo hiểm vật chất ô tô.
- Mở rộng phạm vi bảo hiểm: bồi thường chi phí thay thế mới theo chi phí thực tế và không áp dụng trừ khấu hao vật tư, phụ tùng thay thế mới.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

2. Thanh toán chi phí thuê xe (Phụ lục số 02-BVVC):

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Chủ xe/Người thay mặt Chủ xe yêu cầu bảo hiểm, Bảo Việt đồng ý thanh toán chi phí thuê xe ô tô để sử dụng trong thời gian xe sửa chữa do tai nạn thuộc trách nhiệm bảo hiểm, cụ thể:

- Bảo Việt trả tiền thuê xe taxi để đi lại trong thời gian xe phải sửa chữa do tai nạn (có biên lai taxi theo ngày sử dụng thực tế và hóa đơn thuế giá trị gia tăng thể hiện tổng số tiền trong cả đợt thuê xe). Hoặc:
- Hóa đơn thuế giá trị gia tăng của bên cho thuê xe trong thời gian xe phải sửa chữa do tai nạn.
- Trong mọi trường hợp tổng số tiền bồi thường không vượt quá số tiền bảo hiểm trên ngày và số tiền bảo hiểm trên vụ.
- Mức khấu trừ áp dụng đối với phụ lục Thanh toán chi phí thuê xe bằng Số tiền bảo hiểm trên ngày nhân với 03 ngày.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

3. Bảo hiểm sửa chữa xe tại ga-ra chính hãng (Phụ lục số 03-BVVC):

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Chủ xe/Người thay mặt Chủ xe yêu cầu bảo hiểm, Bảo Việt đồng ý để Chủ xe được quyền chỉ định sửa chữa xe bị thiệt hại vật chất tại Xưởng (Garage) chính hãng (sửa chữa tại ga ra được ủy quyền của hãng sản xuất).

Bảo Việt không nhận bảo hiểm theo điều khoản Bảo hiểm sửa chữa xe tại ga-ra chính hãng đối với các xe có thời gian sử dụng trên 10 năm tính đến thời điểm giao kết Hợp đồng.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

4. Bảo hiểm áp dụng mức khấu trừ (Phụ lục số 04-BVVC):

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận mức giảm phí bảo hiểm của Chủ xe/Người thay mặt Chủ xe yêu cầu bảo hiểm, mức khấu trừ mà người yêu cầu bảo hiểm lựa chọn sẽ được quy định cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm cấp cho Chủ xe.

Khi xảy ra thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm, Bảo Việt sẽ thanh toán bồi thường và áp dụng mức khấu trừ trên mỗi vụ tổn thất, cụ thể như sau:

- Thiệt hại xe nhỏ hơn hoặc bằng mức khấu trừ, Bảo Việt không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại (Chủ xe tự gánh chịu thiệt hại).
- Thiệt hại trên mức khấu trừ, thì số tiền bồi thường bảo hiểm bằng (=) thiệt hại trừ (-) mức khấu trừ.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

5. Bảo hiểm mất cắp bộ phận (Phụ lục số 05-BVVC):

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Chủ xe/Người thay mặt chủ xe yêu cầu bảo hiểm, Bảo Việt đồng ý nhận bảo hiểm theo quy định sửa đổi bổ sung như sau:

- Hủy bỏ quy định loại trừ mất cắp bộ phận xe tại điểm 12.16, Điều 12 Quy tắc bảo hiểm vật chất ô tô.
- Mở rộng phạm vi bảo hiểm: Bảo Việt nhận bảo hiểm và chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ xe về những tổn thất bộ phận do bị mất cắp, mất cướp. Giới hạn số lần mất cắp, mất cướp không vượt quá:
 - + 02 lần đối với các Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 12 tháng đến 18 tháng (Không nhận bảo hiểm mất cắp bộ phận cho các Hợp đồng bảo hiểm dưới 12 tháng).
 - + 03 lần đối với các Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 18 tháng.
- Mức khấu trừ áp dụng riêng cho điều khoản mất cắp bộ phận là 20% số tiền bồi thường và không thấp hơn 2.000.000 đồng. Không áp dụng thêm mức khấu trừ nào khác đã quy định trong Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

6. Bảo hiểm xe bị ngập nước (Phụ lục số 06-BVVC):

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Chủ xe/Người đại diện Chủ xe tham gia bảo hiểm, Bảo Việt nhận bảo hiểm thiệt hại vật chất ô tô theo những quy định sửa đổi, bổ sung như sau:

- Hủy bỏ quy định loại trừ hư hỏng về điện hoặc động cơ do xe hoạt động trong vùng ngập nước tại mục 12.14 Điều 12 Quy tắc bảo hiểm vật chất ô tô.
- Mở rộng nhận bảo hiểm trong trường hợp xe ô tô bị thiệt hại động cơ hoặc hư hỏng về điện do lái xe điều khiển xe đi vào vùng ngập nước sẽ được Bảo Việt bồi thường.
- Mức khấu trừ/vụ áp dụng riêng đối với trường hợp tổn thất động cơ là 10% số tiền bồi thường không thấp hơn 3.000.000 đồng. Không áp dụng thêm mức khấu trừ nào khác đã quy định trong Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi

7. Bảo hiểm bồi thường theo giới hạn trách nhiệm (Phụ lục số 07-BVVC):

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Chủ xe/Người đại diện Chủ xe tham gia bảo hiểm, Bảo Việt đồng ý nhận bảo hiểm cho Chủ xe theo quy định sửa đổi, bổ sung như sau:

- Hủy bỏ quy định bồi thường tổn thất bộ phận quy định tại tiết a, điểm 11.1, Điều 11 Quy tắc bảo hiểm vật chất ô tô;
- Mở rộng phạm vi bảo hiểm: Xe được bảo hiểm theo điều khoản “Bảo hiểm theo giới hạn trách nhiệm” được hiểu là xe ô tô được bảo hiểm với số tiền bảo hiểm thấp hơn giá thị trường. Nhưng khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm được bồi thường như xe tham gia đúng giá trị thực tế (đối với tổn thất bộ phận) và bồi thường theo số tiền bảo hiểm (đối với tổn thất toàn bộ).

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

8. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (PLNLT)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Chủ xe/Người thay mặt chủ xe yêu cầu bảo hiểm, Bảo Việt đồng ý nhận bảo hiểm theo quy định sửa đổi bổ sung như sau:

Mở rộng phạm vi bảo hiểm: Bảo Việt nhận bảo hiểm và chịu trách nhiệm bồi thường cho những tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam và trong phạm vi các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

9. Các điều khoản bổ sung khác (thuộc thẩm quyền của Tổng công ty):

Ngoài các điều khoản bổ sung trên, Chủ xe và Bảo Việt có thể thỏa thuận bảo hiểm bằng văn bản theo các điều khoản bảo hiểm riêng (như: đưa xe hợp pháp, xe tập lái, mở rộng bảo hiểm thiết bị chuyên dùng ...), trên cơ sở chấp thuận của Bảo Việt và theo nguyên tắc mở rộng phạm vi sẽ tăng phí, thu hẹp phạm vi sẽ giảm phí./.

PHẦN 5- THÔNG BÁO TAI NẠN, GIÁM ĐỊNH BỒI THƯỜNG VÀ KHIẾU NẠI

Điều 14. Thông báo tai nạn và giám định thiệt hại

14.1 Thông báo tai nạn:

- a) Khi xe bị tai nạn, Chủ xe (hoặc lái xe) phải tìm mọi cách cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người cũng như tài sản, đồng thời báo ngay cho cơ quan Công an, Bảo Việt nơi gần nhất để phối hợp giải quyết hậu quả tai nạn. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn, Chủ xe hoặc người đại diện hợp pháp của Chủ xe phải thông báo tai nạn bằng văn bản gửi cho Bảo Việt (Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

- b) Chủ xe không được di chuyển, tháo dỡ hoặc sửa chữa xe khi chưa có ý kiến của Bảo Việt, trừ trường hợp phải thi hành chỉ thị của cơ quan có thẩm quyền.
- c) Trường hợp tai nạn có liên quan đến người khác thì Chủ xe phải xác định và cung cấp thông tin cho Bảo Việt để có cơ sở liên lạc và xác minh được vụ tai nạn.
- d) Trường hợp xe bị mất cắp, bị cướp thì Chủ xe (hoặc lái xe) phải báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc và trong vòng 24 giờ phải thông báo bằng văn bản cho Bảo Việt (Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

14.2 Giám định tổn thất:

- a) Mọi tổn thất về tài sản như ô tô, hàng hoá, ... đều được Bảo Việt tiến hành giám định trực tiếp với sự có mặt của Chủ xe, các bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp, nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Bảo Việt chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
- b) Giám định độc lập:
 - Trường hợp không đạt được sự thống nhất giữa Bảo Việt với các bên thì các bên sẽ chỉ định giám định viên chuyên môn trung gian làm căn cứ để xác định thiệt hại.
 - Trong trường hợp các bên không thoả thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên có quyền khởi kiện ra Toà án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Chủ xe chỉ định giám định độc lập.
 - Bảo Việt phải trả chi phí giám định độc lập nếu kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của Bảo Việt. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của Bảo Việt, Chủ xe phải trả chi phí giám định độc lập.
- c) Trong trường hợp không thể thực hiện được việc giám định, thì Bảo Việt được căn cứ vào các biên bản, kết luận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và các tài liệu liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại.
- d) Đối với những tổn thất mà Bảo Việt không có điều kiện giám định trực tiếp và không có biên bản tai nạn của Công an thì Chủ xe phải cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn, mức độ thiệt hại cùng các chứng cứ làm cơ sở xác định bồi thường. Chủ xe phải chịu trách nhiệm về những thông tin cung cấp trên.

Điều 15. Hồ sơ bồi thường

Chủ xe, Người yêu cầu bồi thường phối hợp với Bảo Việt thu thập các chứng từ, tài liệu sau:

- 15.1 Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (có mẫu in sẵn của Bảo Việt);
- 15.2 Bản sao: Giấy chứng nhận bảo hiểm, Đăng ký xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ, Giấy phép lái xe (hoặc Giấy phép điều khiển xe);
- 15.3 Bản sao hồ sơ để xác định nguyên nhân tai nạn và giải quyết tai nạn:

- a) Bản sao bộ hồ sơ tai nạn gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường (kèm sơ đồ hiện trường), Biên bản khám nghiệm xe liên quan đến tai nạn, Biên bản giải quyết tai nạn; Kết luận điều tra của Công an và Các tài liệu khác có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có)
 - b) Bản án hoặc quyết định của Toà án (trường hợp thỏa thuận hoặc phân định trách nhiệm bồi thường thiệt hại được giải quyết tại Tòa án);
 - c) Các biên bản, tài liệu xác định trách nhiệm của người thứ ba (trường hợp thiệt hại có liên quan đến lỗi của bên thứ ba);
 - d) Trường hợp vụ việc không cần hoặc không có Công an tham gia thì Chủ xe thông báo ngay (trừ trường hợp có lý do chính đáng) cho Bảo Việt để phối hợp lập hồ sơ và thu thập các tài liệu chứng minh về nguyên nhân và giải quyết tai nạn.
- 15.4 Các chứng từ xác định thiệt hại về xe, tài sản gồm: Chứng từ xác định chi phí sửa chữa xe, tài sản như: Biên bản giám định, thuê cầu kéo, sửa chữa xe, chứng từ xác định giá trị tài sản (nếu cần).

Điều 16. Thời hạn khiếu nại bồi thường và giải quyết tranh chấp

- 16.1 Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra tai nạn. Nếu quá thời hạn này, mọi khiếu nại không còn giá trị.
- 16.2 Bảo Việt có trách nhiệm xem xét và giải quyết bồi thường trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bồi thường đầy đủ, hợp lệ và không kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày (trường hợp phải xác minh hồ sơ).
- 16.3 Thời hiệu khởi kiện của Chủ xe là 03 (ba) năm kể từ ngày nhận tiền bồi thường hoặc thông báo từ chối bồi thường của Bảo Việt bằng văn bản. Quá thời hạn này mọi khiếu nại không còn giá trị.
- 16.4 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa Bảo Việt và Chủ xe, sẽ được đưa ra phân xử tại Toà án Việt Nam.

PHỤ LỤC: BIỂU PHÍ
BẢO HIỂM VẬT CHẤT BẢO HIỂM XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số:6556/QĐ-BHBV ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

I. Số tiền bảo hiểm:

- Số tiền bảo hiểm: Là số tiền tối đa mà Bảo Việt sẽ bồi thường cho Chủ xe khi xảy ra sự kiện bảo hiểm và được quy định trên Giấy chứng nhận/Hợp đồng/Đơn bảo hiểm.
- Chủ xe có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm có thể bằng hoặc thấp hơn giá thị trường của xe tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.

II. Tỷ lệ phí bảo hiểm cơ bản (Phí bảo hiểm áp dụng cho thời hạn bảo hiểm 1 năm):

Tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên số tiền bảo hiểm.

**Tỷ lệ phí bảo hiểm cơ bản: là tỷ lệ phí áp dụng đối với từng nhóm, loại xe (chưa bao gồm: phí bảo hiểm của các điều khoản bổ sung và tăng giảm phí)*

STT	Nhóm loại xe/Mục đích sử dụng	Tỷ lệ phí bảo hiểm (%)
1	Xe ô tô tải/tải ben	1,55
2	Xe ô tô KDVT hành khách	1,82
3	Xe ô tô chở hàng đông lạnh	2,37
4	Xe Đầu kéo	2,55
5	Taxi	2,46
6	Xe ô tô chở hàng hoạt động trong khu vực khai thác khoáng sản (khai trường)	2,37
7	Rơ moóc (chưa bao gồm thùng hàng, thùng lạnh, container hoặc thiết bị chuyên dùng khác).	0,91
8	Rơ moóc có gắn thêm thùng hàng, thùng lạnh, container hoặc thiết bị chuyên dùng khác.	1,4
9	Các nhóm, loại xe còn lại (ngoài các nhóm xe trên).	1,36

III. Tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng điều khoản bổ sung (Phí áp dụng cho thời hạn bảo hiểm 1 năm):

1. Bảo hiểm không trừ khấu hao thay mới (Phụ lục số 01-BVVC)

STT	Thời gian sử dụng	Tỷ lệ phí bảo hiểm (%)
1	Từ 0 đến 3 năm	0
2	Trên 3 đến 6 năm	0,2
3	Trên 6 đến 10 năm	0,3
4	Trên 10 đến 20 năm	0,4

** Lưu ý: Không nhận bảo hiểm vật chất xe cũ sử dụng trên 20 năm.*

2. Thanh toán chi phí thuê xe (Phụ lục số 02-BVVC):

STT	Mức trách nhiệm bảo hiểm	Tỷ lệ phí bảo hiểm (%)
1	300.000 đ/ngày và tối đa 9.000.000 đ/vụ	0.035

2	500.000 đ/ngày và tối đa 15.000.000 đ/vụ	0.080
3	1.000.000 đ/ngày và tối đa 30.000.000 đ/vụ	0.175

3. Bảo hiểm sửa chữa xe tại gara chính hãng (Phụ lục số 03-BVVC):

Tỷ lệ phí bảo hiểm: Từ 0,1% đến 0,3% (Tùy thuộc vào chất lượng xưởng sửa chữa - garage)

* Lưu ý: Không nhận bảo hiểm bổ sung gara tự chọn cho xe sử dụng trên 10 năm.

4. Bảo hiểm áp dụng mức khấu trừ (Phụ lục số 04-BVVC):

STT	Mức khấu trừ áp dụng/vụ	Tỷ lệ phí bảo hiểm (%)
1	0 đ	Tỷ lệ phí cơ bản ở bảng phần II x 5%
2	500.000 đ	0
3	1.000.000 đ	Tỷ lệ phí cơ bản ở bảng phần II x (-5%)
4	2.000.000 đ	Tỷ lệ phí cơ bản ở bảng phần II x (-10%)
5	3.000.000 đ	Tỷ lệ phí cơ bản ở bảng phần II x (-15%)
6	4.000.000 đ	Tỷ lệ phí cơ bản ở bảng phần II x (-17%)
7	5.000.000 đ	Tỷ lệ phí cơ bản ở bảng phần II x (-20%)
8	Từ 10.000.000 đ trở lên	Tỷ lệ phí cơ bản ở bảng phần II x (-25%)

5. Bảo hiểm mất cắp bộ phận (Phụ lục số 05-BVVC)

Tỷ lệ phí bảo hiểm: 0,20%

6. Bảo hiểm xe bị ngập nước (Phụ lục số 06-BVVC)

Tỷ lệ phí bảo hiểm: 0,10%

7. Bảo hiểm bồi thường theo giới hạn trách nhiệm (Phụ lục số 07-BVVC):

STT	Tỷ lệ % Số tiền bảo hiểm trên giá trị xe	Tỷ lệ phí bảo hiểm %
1	Từ 90% đến dưới 100% giá trị xe	0,16
2	Từ 80% đến dưới 90% giá trị xe	0,31
3	Từ 70% đến dưới 80% giá trị xe	0,47
4	Từ 60% đến dưới 70% giá trị xe	0,62
5	Từ 50% đến dưới 60% giá trị xe	0,78
6	Từ 40% đến dưới 50% giá trị xe	0,93
7	Từ 30% đến dưới 40% giá trị xe	1,09
8	Dưới 30% (Số tiền BH không thấp hơn 50 tr.đ)	1,20

8. Bảo hiểm tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (PLNLT):

Tỷ lệ phí bảo hiểm = Tỷ lệ phí cơ bản ở bảng mục II x 50%

IV. Các quy định khác

1. Phí bảo hiểm ngắn, dài hạn:

1.1. Công thức tính phí bảo hiểm:

Phí BH năm = (Tỷ lệ phí cơ bản + Tỷ lệ phí các điều khoản bổ sung) x Số tiền BH

$$\text{Phí BH ngắn/dài hạn} = \frac{\text{Phí BH năm} \times \text{Số ngày BH} \times (100\% \pm \text{Tỷ lệ tăng/giảm phí})}{365 \text{ ngày}}$$

1.2. Tỷ lệ tăng phí khi bảo hiểm ngắn hạn dưới 1 năm (Không khuyến khích bảo hiểm ngắn hạn):

Thời hạn bảo hiểm	Tỷ lệ tăng phí
- Đến 01 tháng (30 ngày)	100%
- Trên 01 tháng đến dưới 03 tháng	50%
- Từ 03 tháng đến 09 tháng	20%

1.3. Tỷ lệ giảm phí trường hợp bảo hiểm trên một năm (Khuyến khích mua bảo hiểm dài hạn nộp phí bảo hiểm một lần):

Thời hạn bảo hiểm	Tỷ lệ giảm phí
- Trên 18 tháng đến 21 tháng	10%
- Trên 21 tháng đến 24 tháng	15%
- Trên 24 tháng	20%

2. Giảm phí theo đối tượng khách hàng:

2.1 Giảm phí theo số lượng xe: Căn cứ theo khách hàng hoặc theo Hợp đồng bảo hiểm, mức phí bảo hiểm giảm theo số lượng xe cụ thể như sau:

- Từ 5 đến 15 xe giảm tối đa 10%
- Từ 16 đến 30 xe giảm tối đa 15%
- Từ 31 đến 50 xe giảm tối đa 20%
- Từ 51 xe trở lên giảm tối đa 25%

2.2 Giảm phí cho xe tái tục bảo hiểm: Căn cứ vào số năm bảo hiểm trước thời điểm tái tục, nếu xe không có tổn thất mức phí được giảm cụ thể như sau:

- Một năm liên tục trước thời điểm tái tục không có tổn thất giảm 10%;
- Hai năm liên tục trước thời điểm tái tục không có tổn thất giảm 20%;
- Từ trên ba năm liên tục trước thời điểm tái tục không có tổn thất giảm 25%.

* Lưu ý:

- Đối với thời hạn bảo hiểm không quy định trong bảng ở mục 1.2 và 1.3 phần IV trên thì không tăng/giảm phí.

- Riêng đối với bảo hiểm xe tự hành theo tuyến xác định (di chuyển từ kho đến kho, từ nhà máy đến nơi trung bày, di chuyển giao xe tới địa chỉ người mua...) phí bảo hiểm bằng phí năm/365 ngày nhân với số ngày tham gia bảo hiểm và tối thiểu không thấp hơn 2% phí bảo hiểm một năm. Thời hạn bảo hiểm từ 30 ngày trở lên áp dụng theo phí ngắn hạn như mục 1, Phần IV trên đây.

- Trường hợp kết hợp các quy định giảm phí trên đây, mức giảm tối đa không quá 35% trên mỗi Hợp đồng bảo hiểm.

- Phí bảo hiểm theo quy định trong biểu này chưa bao gồm thuế GTGT.